BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 315 /QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tách Trường Đại học Y dược thành 2 Trường Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 224/TTg ngày 24/5/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-DHN ngày 08/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về việc ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ dược học (sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-DHN ngày 08/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ dược học (sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2024 của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng/Phụ trách các Phòng Quản lý Đào tạo, Tài chính kế toán, Ban xúc tiến, tư vấn, hỗ trợ tuyển sinh năm 2024 và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Nguyễn Hải Nam

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024

(Ban hành theo Quyết định số 315/QĐ-DHN ngày 12/4/2024)

I. Thông tin chung

1. Tên trường: Trường Đại học Dược Hà Nội.

2. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính): Số 13-15 Lê Thánh Tông, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

3. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường:

www.hup.edu.vn tuyensinh.hup.edu.vn

4. Sứ mệnh:

- Đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế.

- Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực dược được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội.

- Là trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sản phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia.

- Là trung tâm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam.

5. Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Dược Hà Nội là đại học đa ngành, định hướng nghiên cứu kết hợp với thực hành nghề nghiệp, bước đầu là đại học đổi mới sáng tạo; là một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và tư vấn về khoa học, nuôi dưỡng và hỗ trợ khởi nghiệp có uy tín, cung cấp cho người học môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học tốt nhất, đảm bảo cho người học khi tốt nghiệp có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với nền kinh tế toàn cầu. Đến năm 2045, Trường là đại học đổi mới sáng tạo.

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng tuyển sinh và đào tạo

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 14 431 m^2
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 604
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 3,49 m^2/sinh viên

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	108	7843
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	8	2312
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	402
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	9	1167
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	3	120
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	209
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	83	3633
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	663
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	75	4223
	Tổng	**184**	**12729**

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
1	Bào chế	Bơm chân không, Bơm chân không tuần hoàn nước, Bơm nhu động PA-SF, Bộ đóng viền nắp nhôm, Bộ đo độ dẻo mỹ phẩm TA-LC, Bộ đĩa tạo hạt, Bộ cán phim thủ công, Bộ chạy sắc ký lớp mỏng và phụ kiện, Bộ chia chất lỏng vào bình đông khô, Bộ giỏ quay, Bộ lọc chuyên dụng , Bộ lọc nén, Bộ nồi trộn thuốc mỡ, Bộ sàng dây phân tích kích thước hạt, Bộ tạo viên hạt cải Pelletier, Bộ truyền động bánh răng trung gian, Bể điều nhiệt, Bể rửa siêu âm, Buồng pha chế vô khuẩn Class 2, Cân kỹ thuật , Cân phân tích , Cân xác định độ ẩm, Cell đo kiểu đứng 7ml, HT đa chức năng dùng cho phòng thí nghiệm, HT đo độ hoà tan viên thuốc tự động, HT bơm chân không dầu van quay hai cấp, HT lọc142 mm, HT máy khuấy đồng nhất tốc độ cao, HT sắc ký lỏng, Máy đông khô, Máy đồng hóa bằng siêu âm, Máy đóng nang thủ công, Máy đóng thuốc phun mù và phụ kiện, Máy đóng túi thuốc bột, Máy đùn , Máy đo áp suất thẩm thấu, Máy đo độ bền Gel CT3, Máy đo độ cứng viên nén, Máy đo độ hoà tan, Máy đo độ mài mòn viên, Máy đo độ trơn chảy, Máy đo dung tích biểu kiến, Máy đo hấp thụ chất rắn, Máy đo micro pH, Máy đo PH, Máy đo và đếm kích thước tiểu phân, Máy bào chế, Máy bao

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		bột khô, Máy cất nước 2 lần, Máy cất quay chân không, Máy chuẩn độ Karl Fischer, Máy dập viên , Máy khử ẩm, Máy khuấy cơ , Máy khuấy từ gia nhiệt , Máy lắc siêu âm, Máy lắc xoáy, Máy lọc nước siêu sạch, Máy ly tâm, Máy nén khí, Máy nghiền siêu mịn, Máy nhào trộn, Máy phân tích cỡ hạt, Máy phun sấy, Máy quang phổ tử ngoại khả biến UV-VIS, Máy quang phổ UV-VIS, Máy soi thuốc tiêm, Máy tạo nang mềm ép khuôn, Máy thử độ giải phóng thuốc đạn, Máy xác định độ rã thuốc viên, Máy xay , Nồi cách thủy, Nồi hấp SA, Phụ kiện cho máy sấy phun, Pipet tự động 1000-5000ml, Thiết bị đánh giá giải phóng dược chất thuốc đạn, Thiết bị đồng nhất hóa, Thiết bị đo độ nhớt, Thiết bị đo độ thấm của dược chất qua da, Thiết bị lọc tuyến tính, Thiết bị phun bao phim, Thiết bị tầng sôi mini, Tủ lạnh bảo quản mẫu, Tủ pha chế vô khuẩn, Tủ sấy chân không, Tủ sấy, Tủ vi khí hậu, Thiết bị nghiên cứu da , Máy đóng ống thuốc tiêm
2	CND	Bơm chân không , Bơm chân không tuần hoàn nước HERLAB, Bơm nhu động , Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ chiết dược liệu nóng bình, Bộ phân tích bằng sắc ký lớp mỏng Leybold, Bộ phản ứng có áo nhiệt, Bộ thùng pha chế, Bể điều nhiệt , Bể rửa siêu âm , Bếp bảo ôn đun bình cầu , Buồng cấy vi sinh class II, Cân kỹ thuật , Cân phân tích điện tử, Cân xác định hàm ẩm MB25 Ohaus, Hệ thống điện phân, Hệ thống bình phản ứng chịu áp lực, Hệ thống bình thuỷ tinh, Hệ thống cất quay chân không 20l, Hệ thống chiết siêu tới hạn và tạo hạt Separex, Hệ thống chụp ảnh và phân tich dữ liệu, Hệ thống hút mẫu tự động , HT tích hợp máy trộn,xát hạt,sửa hạt CS nhỏ, Khúc xạ kế AR-4, Lò nung Stuart Sei, Ly tâm ống để bàn Rotofix 32 Hettich, Mách tách chiết dược liệu, Máy đông khô phòng thí nghiệm, Máy đóng nang thủ công, Máy đùn cốm và tạo hạt cầu, Máy đo độ đục dung dịch, Máy đo độ chảy Metler Toledo FP 62, Máy đo độ cứng viên nén PTB 511E, Máy đo độ hoà tan thuốc viên, Máy đo độ rã viên nén ZT41 Erweka, Máy đo điểm nóng chảy, Máy đo PH để bàn, Máy đo vòng vô khuẩn IUL, Máy cất nước 1 lần Favorit, WCS/8L, Máy cất quay chân không, Máy chiết siêu âm Sonics, VC 505, Máy dập viên , Máy gia nhiệt cho phản ứng, Máy khuấy cơ , Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lắc, Máy lạnh đông sâu đa dụng, Máy lọc ly tâm SS300, Máy ly tâm, Máy nghiền dạng cắt DQF-200, Máy phun sấy B191 Buchi, Máy quang phổ UV-VIS,

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		Máy sấy khô khí nén, Máy sấy tầng sôi Diosna Minilab, Máy tách chiết tinh chế Dược liệu SS 450, Máy tạo hoàn cứng tự động loại nhỏ DZ 20, Máy tạo khí Hydrogen, Máy thái dược liệu ZQ 300, Máy trộn cốm khô mini CH 50, Máy vẩy ly tâm SS300, Máy xay , Nồi đun cách thủy , Nồi hấp tiệt trùng, Nồi phản ứng Ankyl hóa 6 lít, Nồi phản ứng thủy phân, Nhớt kế Cole Pammer , Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao, Thiết bị Hydrro hoá, Thiết bị làm ngưng nhanh trong, Tủ ấm , Tủ nuôi cấy vi sinh , Tủ sấy để bàn, Tủ vô trùng (dự án 05), Tủ vi khí hậu mức 2, Máy ly tâm thường , Bơm chân không dầu chịu hóa chất , Máy trộn chữ V , Máy thử độ hòa tan , Tủ sấy chân không, Thiết bị thử độ kín của vỉ, ống tiêm, Máy đo độ trơn chảy của bột, hạt , Máy đọc đĩa đa năng đo độ hấp thụ, huỳnh quang
3	DHCT	Đèn soi UV sắc ký Vilber Loumat (VL-6.LC), Bơm chân không tuần hoàn nước, Bơm hút chân không màng IKA (MVP 10B S000), Bộ định lượng tinh dầu trong dược liệu Lenz, Bộ cất dung môi Lenz, Bộ cất quay chân không , Bộ chiết xuất hồi lưu Lenz - Code 5360070, Bể điều nhiệt 14 lít, Memmert WNB14, Bể rung siêu âm Elma (S100 H), Bếp đun bình cầu , Buồng triển khai sắc ký tự động CAMAG-ADC 2, Cân kỹ thuật , Cân phân tích , Cân xác định hàm ẩm MB25 Ohaus, Chiết suất siêu âm WUC-D22H, Hệ thống chụp ảnh và phân tich dữ liệu CAMAG TLC Visualizer, Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Shimadzu, LC-10ADxr, Kính hiển vi 2 mắt Labomed, CxL, Máy dán túi nilon, Máy hút ẩm công nghiệp Tiross (TS887), Máy ly tâm, Máy soi tử ngoại Viber Loumat, CN6, Máy xay dược liệu SGF-130A, Quang phổ UV- VIS U1800 Hitachi, Tủ hút (hood) Unilab B1200, Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21, Tủ sấy chân không WOV-70, Tủ sấy, Tủ hood
4	Dược liệu	Đèn soi UV sắc ký Vilber Loumat (VL-6.LC), Bơm chân không tuần hoàn nước Herlab SHB -III, Bộ định lượng tinh dầu Lenz, Bộ buồng soi sắc ký bản mỏng Camag, UVCabinet 4, Bộ cất quay chân không, Bộ sắc ký lớp mỏng định lượng Camag, Bể siêu âm , Bếp bảo ôn đun bình cầu, Bếp cách thuỷ 1041 GFL, Buồng triển khai sắc ký tự động CAMAG-ADC 2, Cân phân tích, Cân kỹ thuật , Cân xác định hàm ẩm, Hệ thống máy chụp ảnh và phân tích dữ liệu, Hệ thống máy sắc ký khí khối phổ GCMS, 7890A (490-502ADBNS), Kính hiển vi, Kính hiển vi soi nổi StereoBlue (SB.1902), Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica, Lò nung thí nghiệm L3

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		Nabothermal, Máy chiết siêu âm Sonics, VC-505, Máy ly tâm PLC, Máy quang phổ UV-VIS, Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, Tủ bảo quản mẫu MPR-406, Tủ sấy, Kính hiển vi 2 mắt , Phân cực kế , Khúc xạ kế abbe
5	Dược lực	Điện di trên gel mini- Protean 3, Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700(520-526NSADBTW), Bơm tiêm thẩm tích CMA 402 (520-526 ADBNS), Bàn chống rung cho cân phân tích điện tử 0,00001, Bộ đo giảm đau trên bàn chân chuột, Bộ chuyển đổi co thắt phế quản 7020 Panlab letica, Bộ khuyếch đại tín hiệu kiểu lực co cơ (520-526NSADBTW), Bể điều nhiệt , Bể rửa siêu âm khoảng 6 lít Daihan WUC-A06H, Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8, Buồng nuôi cơ quan cô lập Ugo Basile 4000, Cân kỹ thuật , Cân phân tích , Hốt nuôi cấy vô trùng và phụ kiện BIO AIR, Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen và phụ kiện UVP, Hệ thống Elisa, Hệ thống máy Real-time PCR, Hệ thống PCR Eppendorf, Kính hiển vi 2 mắt YS 100 Nikon, Kính hiển vi soi nổi StereoBlue (SB.1902), Kính hiển vi soi ngược CKX 41-Olympus, Máy (lồng) ghi chuyển hóa (520-526NSADBTW), Máy (lồng) ghi phản xạ có điều kiện (520-526NSADBTW), Máy điện di , Máy đo độ phù chân chuột LE 7500 Panlab, Máy đo HA gián tiếp LE5002 Ugobasil, Máy đo hoạt tính vận động (520-526NSADBTW), Máy đo lưu lượng tuần hoàn máu não động vật TransonicT402-PB, Máy đo PH để bàn, Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt, Máy đo sinh hóa máu Teco, TC3300 Plus, Máy cố định động vật & theo dõi TD dược lý (520-526 ADBNS), Máy cất nước 2 lần Hamilton, Máy ghi 1 kênh Ugo Basile, Máy hút chân không (520-526NSADBTW), Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy kích thích điện , Máy lắc ngang Multi Bio 3D, Máy ly tâm , Máy ủ có lắc TSC Biometra GmbH (520-526NSADBTW), Máy ủ ấm dùng cho HA chuột LP 5610, Máy nghiền đồng thể bằng lưỡi cắt DLAB D160, Máy phá mẫu bằng siêu âm UP50H, Máy phân tích đông máu Urit -610, Máy phân tích huyết học của động vật 20 thông số Urit-3000, Micropipet 8 kênh , Nồi hấp tiệt trùng và phụ kiện ALP, Quang phổ UV-1240 Shimadzu, Thiết bị ghi điện 1 kênh, Tủ ấm điều nhiệt và phụ kiện (b.gồm máy nghiền đồng thể), Tủ ấm nuôi tế bào có gắn bình CO2 MCO-15AC, SANYO, Tủ hood LFS_Hood 1200, Tủ lạnh sâu, Tủ sấy Memmert UM 500 Đức, Trụ quay Rota-Rod 7650 Ugo basile, Máy gây mê hô hấp cho động vật

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
6	Hóa dược	Đèn chiếu UV, Bơm hút chân không, Bơm hút và đẩy DOA 604P, Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ điều khiển CK cho máy cất quay CK V800 Buchi, Bể điều nhiệt 14 lít, Memmert WNB14, Bể rửa siêu âm RK 106 Bandelin, Cân kỹ thuật điện tử, Cân phân tích điện tử , Cân xác định hàm ẩm Satorius AM-30, Hệ thống bình phản ứng thủy tinh Lenz, Máy đo năng suất quay cực cơ Euromex - 99.400, Máy cất quay chân khôn, Máy hút ẩm công nghiệp Tiross (TS887), Máy khuấy cơ, Máy khuấy từ gia nhiệt , Máy làm bay hơi mẫu bằng khí N2 Zanntek, Zipvap 8, Máy lắc xoáy IKA (MS 3 D S0A0), Máy ly tâm để bàn EBA20 Hettich, Máy quang phổ UV-VIS, Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao, Máy sinh khí Hyđro, Máy xác định nhiệt nóng chảy SMP 3 Stuart, Nồi cách thủy 4 lỗ GFL, Phân cực kế, Thiết bị Hydrogen hóa 3911-PAR, Thiết bị làm lạnh bình phản ứng B6/-85, Thiết bị phản ứng áp lực LAB AUTOCLAVE, Thiết bị phản ứng nhiệt độ -80C Greatwall Scientific DHJF800, Tủ hood , Tủ sấy, Đèn UV soi sắc ký , Cân kỹ thuật 10-2g , Cân phân tích 10-4g
7	Hóa sinh	Bơm chân không, Bộ bảo quản mẫu bằng N2 lỏng Haier YDS-20, Bộ giá trữ lạnh ống EPPENDORF, Bể ổn nhiệt Biobase, SY-1L4H, Bể rửa siêu âm 10 lít, Elma S 100(H), Bếp bảo ôn đun bình cầu 1 lít, Daihan WHM12014, Cân kỹ thuật , Cân phân tích , Hệ thống điện di đẳng điệnBio-Rad/Mini Protean520-526NSADBTW, Hệ thống chụp và phân tích Gel InfinityVX2 (520-526NSADBTW), Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW), Kính hiển vi nối camera,máy tính (Eclipse Ci-L)520-526ADBTW, Máy đông khô ALPHA 1-2 Ldplus, Máy đẩy ép qua màng (520-526NSADBTW), Máy điện di, Máy đo PH , Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus, Máy đếm khuẩn lạc Sibatasci-tech CL-560, Máy cất quay chân không, Máy hút dung dịch bằng chân không Accuris V0020, Máy khuấy từ gia nhiệt , Máy lắc Vortex GEMMY VM-300, Máy ly tâm , Máy nghiền đồng thể Benchmark D1000, Máy nhân gen (PCR) C1000 Touch Bio-rad (520-526NSADBTW), Máy phân tích sinh hóa máu, Máy phân tích sinh hóa nước tiểu, Máy quang phổ tử ngoại khả biến UVD2960 Labomed (520-526NSADBTW, Máy quang phổ UV-VIS OPTIMA SP3000 Nano, Nồi hấp tiệt trùng ALP, KT3045 (A), Pipet máy Nichiryo -Pipet mate Neo, Tủ ẩm, Tủ lạnh âm sâu 80 độ MR-HV-80-200, Tủ nuôi

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore) 520-526NSADBTW, Tủ sấy để bàn, Máy quang phổ UV - VIS , Máy ly tâm thường , Bể điều nhiệt , Tủ lạnh âm sâu ≤ -80 °C , Máy lắc ủ nhiệt khô , Máy đồng hóa siêu âm , Tủ lạnh âm sâu -40 °C , Máy ly tâm lạnh siêu tốc
8	Hữu cơ	Đèn UV soi sắc ký Prolabo 3 bước sóng, Bơm chân không, Bơm hút và đẩy DOA 604P, Bộ đèn UV soi sắc ký CN6 Vilber Lourmat, Bộ điều khiển CK cho máy cất quay CK V800 Butchi, Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh, Bể siêu âm, Kính hiển vi 2 mắt , Máy đo nhiệt độ nóng chảy, Máy cất quay chân không, Máy khuấy từ gia nhiệt , Máy lắc siêu âm WUC-A22, Thiết bị phản ứng sử dụng kỹ thuật vi sóng Sineo Uwave 1000, Tủ đá Gelin Electric, Tủ đựng hóa chất có bộ phận lọc khí Erlab, Tủ hood , Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21, Tủ sấy
9	Phân tích	Đèn Cathode rỗng + dd chuẩn 4 loại, Bơm mẫu tự động cho AAS ASC -6100 Nhật, Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ chiết pha rắn SPE-24, Bộ hydrat hóa HVG- 1 Shimadzu, Bộ lọc mẫu phân tích Isolab (490-502ABDNS), Cân kỹ thuật điện tử , Cân phân tích , Hệ thống điện di mao quản 3D CE Agilent technologies, Hệ thống lọc khí phòng máy (520-526NSADBTW), Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI(520-526NSADBTW), Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AA-6800, Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao , HT máy quang phổ phát xạ (m.tính, máy in) (520-526 ADBNS), Lò nung , Máy điện di mao quản, Máy đo độ rã của thuốc Labindia, DT1000+, Máy đo lưu biến (520-526NSADBTW), Máy đo PH để bàn, Máy đo quang kết nối máy tính Shimadzu UV 1800, Máy cô mẫu bằng N2 Hanon HN200, Máy cất nước hai lần Hamilton WSC/4D, Máy chuẩn độ điện thế Metrohm, 888 Titrando, Máy cực phổ 797VA, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy lọc nước siêu sạch Elga Purelab Classic UV, Máy ly tâm , Máy nén khí MDR-211, Máy phân tích nhiệt TGA Metler Toledo TGA/DSC 1, Máy quang phổ, Máy thử độ hòa tan Erweka DT626, Pipet tự động 1000-5000ml, Tủ hood LFS_Hood 1200, Tủ lạnh âm -86 độ C(500l)MDF-594-PB Panasonic 520-526NSADBTW, Tủ sấy để bàn, Cân phân tích 10-4g , Bể điều nhiệt , Cân phân tích bán vi lượng , Máy quang phổ UV - VIS 2 chùm tia có bộ ổn nhiệt kiểu Peltier

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
10	Thực vật	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bơm hút chân không dầu, Bộ kiểm soát độ ẩm CAMAG, Bộ kính hiển vi soi nổi, camera truyền hình LCD, Olympus SZ6, Bộ phun thuốc thử dẫn xuất hóa chạy điện TLC/HPTLC Sprayer, Bộ pipet 1 kênh, Bể ổn nhiệt, Bể rửa siêu âm, Bếp bảo ôn đun bình cầu , Buồng pha chế vô khuẩn LHC -4AX ESCO, Cân kỹ thuật , Cân phân tích, Cân xác định hàm ẩm A&D (MF-50), Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao Camag+ phụ kiện, Hệ thống soi và chụp ảnh gen và phụ kiện, Kính hiển vi , Kính hiển vi soi nổi , Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica, Kính lúp soi nổi , Máy điện di AND và phụ kiện, Máy đo PH để bàn, Máy cắt tiêu bản HM 325 Microm Carl Zeiss, Máy cất quay chân không, Máy hút ẩm công nghiệp Tiross (TS887), Máy khử trùng chống mốc (520-526NSADBTW), Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy làm tiêu bản AP 280 Microm Carl Zeiss, Máy lắc ổn nhiệt, Máy ly tâm, Máy nhân gen và phụ kiện, Máy xay dược liệu CFS, Nồi hấp tiệt trùng , Tủ ấm , Tủ lạnh, Tủ sấy, Kính hiển vi 2 mắt , Máy đo pH để bàn
11	Vi sinh	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bàn lắc 2 tầng cho máy lắc BR 300 LF-TAITEC, Bể rửa siêu âm Bransonic- 3510E- MTH, Buồng nuôi cấy vi sinh , Cân kỹ thuật điện tử , Cân phân tích , Kính hiển vi , Kính hiển vi có camera Carl Zeiss/Sony, Kính hiển vi soi nổi, Máy điện di , Máy đo pH, Thermo Scientific Eutech, pH700, Máy ảnh Canon EOS M, Máy cất quay chân không, Máy lắc điều nhiệt nhiều chỗ BR 3000 LF-TAITEC, Máy lắc để bàn 3017-GFL-Đức, Máy ly tâm , Máy quang phổ UV-VIS, Nồi hấp tiệt trùng , Tủ ấm, Tủ lạnh MDF 236 Sanyo, Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore)520-526NSADBTW, Tủ sấy, Kính hiển vi 2 mắt , Bể điều nhiệt , Bộ chuyển màng bán lai bán rắn , Tủ an toàn sinh học cấp 2 , Thiết bị chụp ảnh gel , Máy ly tâm tốc độ cao
12	VLHL	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng, Bộ dụng cụ dùng để xác định tỷ trọng Precisa, Bộ thí nghiệm mạch cầu, Bộ vi chiết pha rắn Witeg SPE-12, Bể điều nhiệt , Bể siêu âm WUC-A10H, Cân kỹ thuật điện tử , Cân phân tích điện tử , Cân phù nhiệt MORH, Cân xác định hàm ẩm , Cầu Wheatstone, Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao, Khúc xạ kế , Kính hiển vi , Kính hiển vi nối camera, Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht, Máy đồng nhất hóa áp suất cao (520-526NSADBTW), Máy đo áp suất thẩm thấu,

STT	Tên phòng thực hành	Danh mục trang thiết bị chính
		Máy đo độ dẫn điện, Máy đo độ nhớt, Máy đo hằng số điện môi (520-526NSADBTW), Máy đo nhiệt độ nóng chảy, Máy đo PH , Máy đo quang phổ UV-VIS, Máy đo quang photometer, Máy đo sức căng bề mặt KRUSS, Easydyne K20, Máy cất quay chân không và phụ kiện HEI-VAP Value HB/G1, Máy chuẩn độ điện thế, Máy khuấy cơ Velp, Máy lắc có điều nhiệt
13	Vô cơ	Bơm chân không tuần hoàn nước, Bể siêu âm để rửa dụng cụ LC60/H Elma, Cân kỹ thuật, Cân phân tích, Kính hiển vi, Lò nung, Máy đo PH, Máy bơm hút chân không, Máy bơm hút chân không vòng dầu, Máy cất quay chân không, Máy khuấy từ có gia nhiệt, Máy ly tâm, Máy quang phổ UV-VIS, Tủ sấy chân không, Tủ sấy
14	YHCS	Kính hiển vi, Mô hình người, Tủ sấy để bàn WOF- 105 Daihan, Cân phân tích Saturius, Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8, Máy ly tâm thường Hettich, EBA20, Máy Kimograph PANLAB, Chuồng Mê lộ, Máy phân tích huyết học TECO, Máy Kimograph Panlab, Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus, Máy phân tích xét nghiệm nước tiểu TECO, TC101, Buồng cấy cho PCR

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo…sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Tổng tài liệu trong Thư viện *(giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo…sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)*: 33.393 tài liệu

Trong đó Tài liệu học tập/tài liệu tham khảo cho chương trình chi tiết môn học/học phần theo Lĩnh vực đào tạo/ Nhóm ngành như sau:

STT	Lĩnh vực đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Lĩnh vực Khoa học sự sống/ Nhóm ngành Sinh học ứng dụng	372
2	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên/ Nhóm ngành Khoa học vật chất	351
3	Lĩnh vực Sức khỏe/ Nhóm ngành Dược học	1026

2. Nguồn lực đào tạo và nghiên cứu

2.1. Cơ sở thực hành của Trường Đại học Dược Hà Nội:

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Hợp đồng đào tạo thực hành: Có/Không
1	Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung Ương	48 Hai Bà Trưng, Hà Nội	Có
2	Công ty cổ phần Dược phẩm Traphaco	75 Yên Ninh, Ba Đình, Hà Nội	Có

3	Công ty cổ phần Hóa Dược Việt Nam	237 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội	Có
4	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	Có
5	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, Tp Việt Trì, Phú Thọ	Có
6	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	1B, Trần Hưng Đạo, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Có
7	Bệnh viện Hữu Nghị	Số 01, Trần Khánh Dư, Hai Bà Trưng, Hà nội	Có
8	Bệnh viện Xanh Pôn	12, Chu Văn An, Ba Đình, Hà Nội	Có
9	Bệnh viện Nhi Trung ương	879, đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội	Có
10	Bệnh viện Phổi Trung ương	463, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội	Có
11	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	929, đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội	Có
12	Bệnh viện Phổi Hà Nội	44, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Có
13	Bệnh viện K	43 Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Có
14	Bệnh viện Tim Hà Nội	92 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Có
15	Bệnh viện Vinmec	458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Có
16	Bệnh viện Bạch Mai	78, Giải Phóng, hai Bà Trưng, Hà Nội	Có
17	Bệnh viện E	89, đường Trần Cung, Cầu Giấy, Hà Nội	Có

2.2. Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng xác định theo từng ngành/chuyên ngành đào tạo:

Danh sách giảng viên toàn thời gian

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
1	Bùi Hồng Cường	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược liệu-Dược học cổ truyền

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
2	Bùi Thị Thanh Hà	Tiến sĩ		Hoá học/Hoá hữu cơ
3	Bùi Thị Thuý Luyện	Tiến sĩ		Hoá dược/Hoá dược
4	Cao Thị Bích Thảo	Tiến sĩ		Dược học/
5	Chử Thị Thanh Huyền	Tiến sĩ		Dược học/Dược liệu học
6	Đàm Thanh Xuân	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Hóa học/Công nghệ sinh học
7	Đặng Thị Ngọc Lan	Tiến sĩ		Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
8	Đào Nguyệt Sương Huyền	Tiến sĩ		Dược học/Công nghệ Dược phẩm và bào chế
9	Đào Thị Kim Oanh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hoá dược
10	Đào Thị Mai Anh	Tiến sĩ		Dược học/Sinh học phân tử Dược
11	Đào Thị Vui	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược lý- Dược lâm sàng
12	Đào Văn Nam	Tiến sĩ		Dược học/Bào chế
13	Đinh Thị Thanh Hải	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hóa Dược
14	Đỗ Hồng Quảng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Hóa sinh dược/Hóa sinh dược
15	Đỗ Mạnh Dũng	Đại học		Giáo dục thể chất/
16	Đỗ Quyên	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hóa học hợp chất tự nhiên; Nghiên cứu và phát triển thuốc từ hợp chất tự nhiên
17	Đỗ Thành Long	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin/
18	Đỗ Thị Mai Dung	Tiến sĩ		Dược học/Hóa dược
19	Đỗ Thị Nguyệt Quế	Tiến sĩ		Dược học/Bào chế
20	Đỗ Thị Thanh Thủy	Tiến sĩ		Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
21	Đỗ Xuân Thắng	Tiến sĩ		Dược học/Tổ chức quản lý Dược
22	Đồng Thị Xuân Phương	Tiến sĩ		Dược học/
23	Dương Khánh Linh	Thạc sĩ		Công nghệ và y tế/Cảnh giác dược
24	Dương Thị Hồng ánh	Tiến sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc
25	Dương Viết Tuấn	Thạc sĩ		Kinh tế/Quản trị kinh doanh
26	Hà Vân Oanh	Tiến sĩ		Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
27	Hoàng Nguyên Phong	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin/
28	Hoàng Quỳnh Hoa	Tiến sĩ		Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
29	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Tiến sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
30	Hoàng Thu Trang	Thạc sĩ		Hóa Học /Hoá hữu cơ
31	Kiều Thị Hồng	Thạc sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế
32	Kiều Thị Tuyết Mai	Tiến sĩ		Dược học/Tổ chức quản lý dược
33	Lã Thị Quỳnh Liên	Tiến sĩ		Y học /Khoa học Y học
34	Lê Bá Hải	Tiến sĩ		Sinh học sức khỏe/Ung thư

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
35	Lê Đình Chi	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Hoá học/Hóa học phân tử và các phân tử có hoạt tính sinh học
36	Lê Đình Quang	Tiến sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và Bào chế
37	Lê Ngọc Khánh	Thạc sĩ		Sinh học phân tử/Sinh học phân tử
38	Lê Thanh Bình	Tiến sĩ		Khoa học Y/
39	Lê Thị Lan Anh	Thạc sĩ		Khoa học xã hội/Triết học
40	Lê Thị Thảo	Thạc sĩ		Kinh tế/Kinh tế chính trị
41	Lê Thị Thu Hòa	Thạc sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế
42	Lê Thị Thu Trang	Thạc sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và Bào chế
43	Lê Thu Thủy	Thạc sĩ		Dược học/Tổ chức quản lý dược
44	Lê Tố Hương	Thạc sĩ		Ngôn ngữ /Ngôn ngữ Anh
45	Lương Thị Thanh Huyền	Tiến sĩ		Dược học/Hoá dược
46	Lý Công Thành	Thạc sĩ		Vật lý/Vật lý lý thuyết
47	Mai Văn Hiên	Thạc sĩ		Dược học/Hóa sinh dược
48	Mai Xuân Bách	Thạc sĩ		Dược học/
49	Nghiêm Đức Trọng	Thạc sĩ		Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
50	Ngô Minh Thúy	Thạc sĩ		Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
51	Ngô Xuân Hoàng	Thạc sĩ		Dược học/Hóa Dược
52	Nguyễn Anh Vũ	Thạc sĩ		Vật lý/Vật lý lý thuyết và vật lý toán
53	Nguyễn Cảnh Hưng	Thạc sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
54	Nguyễn Công Trường	Tiến sĩ		Dược học/Hóa Dược
55	Nguyễn Đăng Hòa	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
56	Nguyễn Đình Luyện	Tiến sĩ	Giáo sư	Dược học/Công nghệ dược phẩm
57	Nguyễn Đức Thiện	Tiến sĩ		Vật lý/Vật lý kỹ thuật
58	Nguyễn Hải Nam	Tiến sĩ	Giáo sư	Dược học/Hóa dược
59	Nguyễn Hoàng Anh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược lý - dược lâm sàng
60	Nguyễn Hoàng Long	Thạc sĩ		Y học/Dược lý
61	Nguyễn Hoàng Tuấn	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược liệu
62	Nguyễn Hữu Duy	Thạc sĩ		Dược học/Dược lý - Dược lâm sàng
63	Nguyễn Khắc Tiệp	Tiến sĩ		Y sinh và dược học/Khoa học y sinh và dược học

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
64	Nguyễn Lâm Hồng	Tiến sĩ		Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất
65	Nguyễn Liên Hương	Thạc sĩ		Y học/Vi sinh y học
66	Nguyễn Mai Hương	Thạc sĩ		Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
67	Nguyễn Mạnh Tuyển	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược liệu-Dược học cổ truyền
68	Nguyễn Ngân Hà	Thạc sĩ		Khoa học xã hội/Triết học
69	Nguyễn Ngọc Chiến	Tiến sĩ	Giáo sư	Dược học/Công nghệ Dược phẩm và Bào chế thuốc
70	Nguyễn Nữ Hải Yến	Thạc sĩ		Y học/Sinh lý học
71	Nguyễn Phương Chi	Thạc sĩ		Dược học/
72	Nguyễn Phương Nhung	Thạc sĩ		Công nghệ sinh học dược học/Phát triển thuốc
73	Nguyễn Quỳnh Chi	Tiến sĩ		Dược học/Hoá học và hoá lý các hợp chất có tác dụng sinh học
74	Nguyễn Quỳnh Lê	Tiến sĩ		Sinh học/Sinh học phân tử
75	Nguyễn Thạch Tùng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
76	Nguyễn Thái An	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược liệu - Dược cổ truyền
77	Nguyễn Thành Hải	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược lý thực nghiệm và lâm sàng
78	Nguyễn Thanh Tùng	Tiến sĩ		Dược học/Dược liệu – Dược học cổ truyền
79	Nguyễn Thị Hồng Đức	Thạc sĩ		Vật lý/Vật lý chất rắn
80	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tiến sĩ		Dược học/
81	Nguyễn Thị Hương Giang	Tiến sĩ		Y khoa/Dược lý và độc chất học
82	Nguyễn Thị Kiều Anh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Kiểm nghiệm thuốc
83	Nguyễn Thị Lập	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Khoa học đời sống dược
84	Nguyễn Thị Liên Hương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược lâm sàng
85	Nguyễn Thị Mai Anh	Tiến sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc
86	Nguyễn Thị Mai Hương	Thạc sĩ		Khoa học Y sinh/
87	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Tiến sĩ		Dược học/Hoá dược
88	Nguyễn Thị Phương Thúy	Tiến sĩ		Dược học/Tổ chức quản lý dược
89	Nguyễn Thị Song Hà	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Tổ chức quản lý dược
90	Nguyễn Thị Thanh Duyên	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Bào chế dược phẩm
91	Nguyễn Thị Thanh Hương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Tổ chức quản lý dược
92	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thạc sĩ		Ngôn ngữ /Ngôn ngữ Anh
93	Nguyễn Thị Thảo	Thạc sĩ		Dược học/Dược lý - Dược lâm sàng

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
94	Nguyễn Thị Thu Thủy	Thạc sĩ		Dược học/Dược lý - Dược lâm sàng
95	Nguyễn Thị Thuận	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hóa dược
96	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Thạc sĩ		Hoá học /Hoá Phân tích
97	Nguyễn Thu Hằng	Tiến sĩ		Dược học/Sinh Dược học
98	Nguyễn Thu Hằng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
99	Nguyễn Thuỳ Dương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược lý
100	Nguyễn Trần Linh	Tiến sĩ		Dược học/Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc
101	Nguyễn Tứ Sơn	Tiến sĩ		Dược học/Dược lâm sàng
102	Nguyễn Tường Vy	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Kiểm nghiệm thuốc
103	Nguyễn Vân Anh	Thạc sĩ		Ngôn ngữ/Ngôn ngữ Anh
104	Nguyễn Văn Giang	Tiến sĩ		Dược học/Công nghệ Dược phẩm và bào chế
105	Nguyễn Văn Hải	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hóa dược-Dược liệu
106	Nguyễn Văn Lâm	Thạc sĩ		Dược học/Công nghệ Dược phẩm và Bào chế
107	Nguyễn Văn Phương	Thạc sĩ		Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
108	Nguyễn Vĩnh Nam	Thạc sĩ		Dược học/Dịch tễ dược
109	Nguyễn Xuân Bắc	Tiến sĩ		Dược học/
110	Phạm Bảo Tùng	Tiến sĩ		Dược học/Công nghệ Dược phẩm và Sinh dược học
111	Phạm Đình Thắng	Tiến sĩ		Quản lý giáo dục/Quản lý Giáo dục
112	Phạm Đức Vịnh	Tiến sĩ		Dược học/Dược lý
113	Phạm Lê Minh	Tiến sĩ		Dược Học/Bào Chế
114	Phạm Nữ Hạnh Vân	Tiến sĩ		Dược học/Tổ chức Quản lý Dược
115	Phạm Thái Hà Văn	Thạc sĩ		Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
116	Phạm Thế Hải	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Hóa Dược/Nghiên cứu và phát triển thuốc mới
117	Phạm Thị Hồng Cẩm	Thạc sĩ		Toán học/Toán giải tích
118	Phạm Thị Linh Giang	Thạc sĩ		Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
119	Phạm Thị Minh Huệ	Tiến sĩ	Giáo sư	Dược học/Công nghệ DP và Bào chế thuốc
120	Phạm Thị Thanh Hà	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Công nghệ Dược phẩm và Bào chế
121	Phạm Thị Thúy Vân	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược lâm sàng
122	Phạm Tuấn Anh	Tiến sĩ		Dược học /Dược liệu - Dược cổ truyền
123	Phan Thị Phương Dung	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hoá dược
124	Phan Thị Tố Như	Thạc sĩ		Y học/Nội khoa
125	Phan Thu Hằng	Thạc sĩ		Y học/Sinh lý học
126	Phùng Thanh Hương	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hoá sinh dược

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
127	Quách Thị Sen	Tiến sĩ		Toán học/Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán
128	Tạ Thu Lan	Thạc sĩ		Dược học/Công nghệ Dược phẩm và Bào chế
129	Thân Thị Kiều My	Tiến sĩ		Dược học/Dược liệu- Dược học cổ truyền
130	Tống Thị Thanh Vượng	Tiến sĩ		Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
131	Trần Đình Nghĩa	Thạc sĩ		Hóa Học /Hóa Lý và Hóa Lý Thuyết
132	Trần Hồng Linh	Thạc sĩ		Dược học/Dược lý- Dược lâm sàng
133	Trần Ngọc Bảo	Thạc sĩ		Khoa học sức khoẻ/Nghiên cứu phát triển thuốc
134	Trần Nguyên Hà	Tiến sĩ		Khoa học môi trường /Môi trường đất và nước
135	Trần Phương Thảo	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hóa dược
136	Trần Quang Long	Thạc sĩ		Giáo dục thể chất/Giáo dục thể chất
137	Trần Quang Tuyến	Thạc sĩ		Công nghệ thông tin/Mạng và truyền dữ liệu
138	Trần Thị Giang Thanh	Thạc sĩ		Kinh tế /Kinh tế chính trị
139	Trần Thị Hải Yến	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Bào chế và Công nghệ dược phẩm
140	Trần Thị Huyền	Thạc sĩ		Vật Lý/Phương pháp giảng dạy Vật lý
141	Trần Thị Lan Anh	Tiến sĩ		Dược học/Tổ chức quản lý dược
142	Trần Thị Lan Hương	Thạc sĩ		Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất
143	Trần Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ		Y học/Nội khoa
144	Trần Trịnh Công	Tiến sĩ		Dược/Dược lý dược lâm sàng
145	Trần Trọng Biên	Thạc sĩ		Dược học/Công nghệ Dược phẩm và Bào chế
146	Trần Văn Ơn	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
147	Trịnh Thị Thanh Xuân	Thạc sĩ		Ngôn ngữ /Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh
148	Văn Thị Mỹ Huệ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hóa dược
149	**Võ Quốc Ánh**	**Tiến sĩ**	**Phó giáo sư**	Dược học/Bào chế dược phẩm
150	**Võ Thị Thu Thủy**	**Thạc sĩ**		Dược học /Kiểm nghiệm thuốc
151	Vũ Đặng Hoàng	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
152	Vũ Đình Hoà	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Dược lý lâm sàng
153	Vũ Ngân Bình	Tiến sĩ		Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
154	Vũ Ngọc Mai	Thạc sĩ		Dược học/
155	Vũ Thị Hồng Hạnh	Tiến sĩ		Dược học/Bào chế và công nghệ dược
156	Vũ Thị Nhung	Thạc sĩ		Ngôn ngữ Anh/Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
157	Vũ Thị Thảo	Thạc sĩ		Triết học/
158	Vũ Thị Thu Giang	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Công nghệ dược phẩm và Bào chế thuốc
159	Vũ Thuỳ Dương	Thạc sĩ		Khoa học Quản lý/MSc in Management
160	Vũ Tiến Thành	Thạc sĩ		Giáo dục học/Giáo dục thể chất
161	Vũ Trần Anh	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Dược học/Hoá Dược
162	Vũ Tùng Lâm	Thạc sĩ		Hóa học/Hóa phân tích
163	Vũ Xuân Giang	Tiến sĩ		Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
	Tổng số giảng viên cơ hữu toàn trường: 163			

Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
1	Bùi Đức Trung	Bệnh viện Hữu Nghị		Thạc sĩ	Dược học/
2	Bùi Hải Bình	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Y học/
3	Bùi Quang Thạch	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Nội khoa/
4	Bùi Thanh Nguyệt	Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/Tổ chức quản lý dược
5	Bùi Thị Kim Dung	Bệnh viện Thanh Nhàn		Thạc sĩ	Dược học/
6	Bùi Thị Ngọc Thực	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Dược học/
7	Bùi Thuận	Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
8	Cẩn Tuyết Nga	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Dược học/
9	Cao Công Khánh	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm QG		Thạc sĩ	Dược học/Kiểm nghiệm thuốc
10	Đàm Mai Hương	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức		Thạc sĩ	Dược học/
11	Đặng Thế Hưng	Trường Đại học Y tế Công cộng		Tiến sỹ	Dược học/Hóa dược
12	Đặng Thị Hoa	Bệnh viện phụ sản Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
13	Đặng Thị Lan Anh	Bệnh viện Thanh Nhàn		Thạc sĩ	Dược học/

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
14	Đặng Thu Anh	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
15	Đào Danh Sơn	Công ty cổ phần tập đoàn Merap		Tiến sĩ	Dược học/Công nghiệp Dược và Bào chế
16	Đào Huyền Quyên	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Y học/Hóa sinh
17	Đào Minh Đông	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, MP, TPCN Yên Bái		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
18	Đào Trần Tiến	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Nội khoa/
19	Đào Văn Tú	Bệnh viên K		Tiến sĩ	Y học-Ung thư/
20	Đinh Đình Chính	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/Dược lâm sàng
21	Đinh Thị Minh	Viện Dược liệu		Thạc sĩ	Dược học/Hóa Sinh Dược
22	Đinh Thị Vân	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội		Thạc sĩ	Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
23	Đinh Thu Hương	Bệnh viện Phổi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học/
24	Đỗ Hùng Kiên	Bệnh viện K		Tiến sĩ	Y học/
25	Đỗ Kim Bảng	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Y học/
26	Đỗ Thị Bích Thủy	Bệnh viên Tim Hà Nội		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
27	Đỗ Thị Hà	Viện Dược liệu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu-dược học cổ truyền
28	Đỗ Thị Minh Nguyệt	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
29	Đỗ Thị Thanh Thủy	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y học/
30	Đỗ Thị Tuyên	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Sinh học/Hóa sinh học

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
31	Đoàn Cao Sơn	Viện Kiểm nghiệm thuốc TW	Phó giáo sư	Tiến sỹ	Dược học/
32	Đoàn Thị Kim Ưng	Trung tâm Kiểm nghiệm Bắc Giang		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
33	Đoàn Thị Mai Hương	Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ VN	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hoá học/Hóa hữu cơ và Hoá sinh
34	Đoàn Văn Giang	Trung tâm Y tế huyện An Phú, tỉnh An Giang		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
35	Dương Kiều Oanh	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/
36	Dương Thanh Hải	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec		Thạc sĩ	Dược học/Dược lâm sàng
37	Dương Thị Thanh Tâm	Bệnh viện Nhi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học/Dược lý dược lâm sàng
38	Dương Tuấn Linh	Viện Dinh dưỡng Quốc gia		Tiến sĩ	Sinh học/Vi sinh vật học
39	Hà Bá Tiến	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Thạc sĩ	Dược học/
40	Hà Văn Thúy	Trường Đại học Y khoa Vinh	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/Tổ chức quản lý dược
41	Hồ Mỹ Dung	Trường đại học Y dược, Đại học Quốc gia		Thạc sĩ	Y học/
42	Hoàng Anh Tuấn	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/Tổ chức Quản lý Dược
43	Hoàng Khánh Toàn	CB nghỉ hưu Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Y học cổ truyền/Y dược học cổ truyền
44	Hoàng Nam	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Nội khoa/
45	Hoàng Thái Hòa	Bệnh viện đa khoa Đức Giang		Thạc sĩ	Dược học/
46	Hoàng Thị Kim Huyền	GV nghỉ hưu Trường Đại học Dược Hà Nội	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/
47	Hoàng Thị Minh Hiền	Bệnh viện Hữu Nghị		Tiến sỹ	Dược học/

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
48	Hoàng Văn Lâm	Công ty CP. Thảo Dược Quý Herbcare		Thạc sĩ	Dược học/Dược liệu- Dược học cổ truyền
49	Hứa Ngọc Huy	Bệnh viện đa khoa Lục Yên, Yên Bái		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
50	Huỳnh Minh Triết	Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
51	Khổng Nam Hương	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Y học/Nội tim mạch
52	Khuất Hữu Trung	Viện Di truyền Nông nghiệp	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Sinh học/Di truyền học
53	Lại Việt Hà	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/Tổ chức quản lý dược
54	Lê Anh Hiếu	Sở Y tế Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/Tổ chức quản lý dược
55	Lê Danh Vinh	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y học/
56	Lê Đình Bích	GV nghỉ hưu Trường Đại học Dược Hà Nội		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/Dược liệu
57	Lê Hữu Trường	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
58	Lê Minh Hà	Viện Khoa học và Công nghệ VN		Tiến sĩ	Hóa học/
59	Lê Ngọc Anh	Trường Đại học Y Hà Nội		Tiến sĩ	Khoa học y tế/
60	Lê Nguyễn Thành	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa dược/
61	Lê Thị Hồng Hảo	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia	Phó giáo sư	Tiến sỹ	Hóa học/Hoá phân tích
62	Lê Thị Hường Hoa	Đại học Hoa sen		Tiến sỹ	Dược học/Kiểm nghiệm thuốc
63	Lê Thị Kim Vân	Viện Dược liệu		Tiến sĩ	Dược học/Dược lý
64	Lê Thị Liễu	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y học/

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
65	Lê Thị Luyến	Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Y Dược	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học/
66	Lê Thị Minh Chính	Cty TNHH ANDA Việt Nam		Thạc sĩ	Dược học/
67	Lê Thị Phương Thảo	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/
68	Lê Thị Thanh Giang	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
69	Lê Thị Thanh Nga	Bệnh viện Thanh Nhàn		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
70	Lê Thị Thùy Dương	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam		Tiến sĩ	Sinh học/Sinh học phân tử tế bào và Hóa sinh học
71	Lê Thị Tú Anh	Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ VN		Tiến sĩ	Hóa học/Hóa hữu cơ
72	Lê Thị Vân Anh	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y học/
73	Lê Thị Xoan	Viện Dược liệu		Tiến sĩ	Dược học/
74	Lê Thiên Kim			Thạc sĩ	Dược học/
75	Lê Trí Bách	Bệnh viện Da liễu Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
76	Lê Vân Anh	Bệnh viện Hữu Nghị		Tiến sĩ	Dược học/
77	Lưu Đàm Ngọc Anh	Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ VN		Tiến sĩ	Thực vật học/Thực vật dân tộc học
78	Lưu Thị Minh Diệp	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y học/
79	Lưu Thị Phương	Bệnh viện Nhi, Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
80	Lý Thị Bích Thủy	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học/Hóa sinh
81	Mạc Thị Thanh Hoa	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm QG		Thạc sĩ	Hoá học/Vật liệu tiên tiến và môi trường

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
82	Mai Khắc Hùng	Bệnh viện đa khoa Văn Yên, Yên Bái		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
83	Mỵ Đức Anh	BBệnh viện đa khoa Nga Sơn, Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/Tổ chức quản lý dược
84	Nghiêm Thị Thanh Nga	Trường Đại học Thành Đô		Thạc sĩ	Dược học/Hoá sinh dược
85	Ngô Thị Xuân Thu	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/Dược lâm sàng
86	Nguyễn Bích Ngọc	Bệnh viện Quân dân Y Miền Đông		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
87	Nguyễn Công Long	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Nội tiêu hóa/
88	Nguyễn Đức Phong	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y học/
89	Nguyễn Đức Thu	Bệnh viện Y dược học cổ truyền Đồng Nai		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
90	Nguyễn Đức Thuận	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tĩnh Gia Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
91	Nguyễn Đức Trung	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Tiến sỹ	Dược học/Tổ chức và quản lý dược
92	Nguyễn Duy Tám	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/
93	Nguyễn Duy Tân	Viện Huyết học - Truyền máu trung ương		Thạc sĩ	Dược học/
94	Nguyễn Gia Bình	Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec - Time city	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa sinh/Hóa sinh lâm sàng
95	Nguyễn Hải Trường	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/Dược lý
96	Nguyễn Hoài Nam	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Nội khoa/
97	Nguyễn Hoàng Phương	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Y học/
98	Nguyễn Hữu Tùng	Trường Đại học Phenikaa	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Hóa Dược/Hóa dược

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
99	Nguyễn Huy Tuấn	bệnh viện Phụ sản trung ương		Thạc sĩ	Dược học/Dược lý - dược lâm sàng
100	Nguyễn Huy Văn	Công ty Cổ phần Traphaco		Thạc sĩ	Dược học/
101	Nguyễn Khắc Dũng	Bệnh viên K		Tiến sĩ	Dược học/
102	Nguyễn Lê Trang	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City		Thạc sĩ	Dược học/Dược lâm sàng
103	Nguyên Minh Nam	Bệnh viện Tim Hà Nội		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/Quản lý kinh tế dược
104	Nguyễn Ngọc Bích	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Y học/
105	Nguyễn Ngọc Hiếu	Trường Đại học Phenikaa		Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu
106	Nguyễn Phương Thúy	Văn phòng đại diện công ty OTSUKA việt Nam		Thạc sĩ	Dược học/
107	Nguyễn Quang Hưng	Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ VN		Tiến sĩ	Sinh học/Tài nguyên Thực vật
108	Nguyễn Quốc Huy	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu - Dược học cổ truyền
109	Nguyễn Quỳnh Hoa	Bệnh viện Bạch Mai	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/Dược bệnh viện
110	Nguyễn Sơn Nam	Bệnh viện Trung Ương QĐ 108		Tiến sĩ	Dược học/
111	Nguyễn Thanh Hiền	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức		Thạc sĩ	Dược học/
112	Nguyễn Thành Nam	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Nội khoa/
113	Nguyễn Thế Hùng	Bộ Khoa học và Công nghệ		Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu học
114	Nguyễn Thị Bích Thu	Đại học Duy Tân	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu- Dược cổ truyền

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
115	Nguyễn Thị Đông	Bộ Y tế		Tiến sĩ	Dược học/Hoá sinh
116	Nguyễn Thị Dừa	Bệnh viện Xanh Pôn		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
117	Nguyễn Thị Hải Yến	Bệnh viện Bạch Mai, Viện Tim mạch		Bác sĩ nội trú	Tim mạch/
118	Nguyễn Thị Hạnh	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Nội khoa/
119	Nguyễn Thị Hiền	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Nội khoa/
120	Nguyễn Thị Hồng Hà	Bệnh viện Nhi Trung ương		Tiến sĩ	Dược học/Bào chế
121	Nguyễn Thị Hường	Trường cao đẳng Dược trung Ương Hải Dương		Tiến sĩ	Dược học/Bào chế
122	Nguyễn Thị Huyền Thư	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn		Thạc sĩ	Dược học/
123	Nguyễn Thị Kim Chi	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội		Tiến sĩ	Dược học/
124	Nguyễn Thị Mai Anh	Bệnh viện Thanh Nhàn		Thạc sĩ	Dược học/
125	Nguyễn Thị Nga	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Nội khoa/
126	Nguyễn Thị Như Hoa	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sĩ nội trú	Nội khoa/
127	Nguyễn Thị Quỳnh	Sở Y tế Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
128	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Quỳnh		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
129	Nguyễn Thị Sinh	Trường Đại học Đại Nam		Tiến sĩ	Dược học/Thực vật Dược
130	Nguyễn Thị Thanh Dung	Bệnh viện Phổi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học/
131	Nguyễn Thị Thanh Minh	Bệnh viện K		Thạc sĩ	Dược học/Dược lâm sàng
132	Nguyễn Thị Thu	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Dược học/
133	Nguyễn Thị Thu Hương	Bệnh viện Thanh Nhàn		Thạc sĩ	Dược học/
134	Nguyễn Thị Thu Hương	Bệnh viện Hữu Nghị		Thạc sĩ	Dược học/Dược

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
					lý - Dược lâm sàng
135	Nguyễn Thị Thủy	Bệnh viện Phổi TW		Thạc sĩ	Dược học/
136	Nguyễn Thị Thuý Ngân	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức		Tiến sĩ	Gây mê hồi sức/
137	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Bệnh viện Phổi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học/
138	Nguyễn Thị Vinh Huê	Công ty Cổ phần Traphaco		Tiến sĩ	Dược học/
139	Nguyễn Thu Hương	Bệnh viện đa khoa Đức Giang		Thạc sĩ	Dược học/Dược lý - Dược lâm sàng
140	Nguyễn Thu Minh	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Dược học/
141	Nguyễn Tiến Phương	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Dược học/
142	Nguyễn Tiến Quang	Bệnh viện K		Tiến sĩ	Y học/
143	Nguyễn Trọng Thủy	Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
144	Nguyễn Trung Hà	Khoa Dược - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Tiến sĩ	Dược học/Tổ chức quản lý dược
145	Nguyễn Trung Nghĩa	Bệnh viện E		Thạc sĩ	Dược học/
146	Nguyễn Trường Sơn	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Y học/
147	Nguyễn Trường Sơn	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn		Thạc sĩ	Dược học/Dược lâm sàng
148	Nguyễn Tuấn Hiệp	Viện Dược liệu		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học và hệ thống sinh học/
149	Nguyễn Tuấn Long	Bệnh viện Quân dân Y Miền Đông		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
150	Nguyễn Văn Dũng	Bệnh viện Nhi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học/
151	Nguyễn Văn Hà	Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung Ương		Tiến sĩ	Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
152	Nguyễn Văn Long	GV nghỉ hưu Trường Đại học Dược Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/ Công nghệ dược phẩm- Bào chế
153	Nguyễn Văn Tài	Viện Dược liệu		Tiến sĩ	Hóa học/Hóa hữu cơ
154	Nguyễn Văn Thắng	Trường Đại học Tân Trào		Thạc sĩ	Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
155	Nguyễn Văn Tuấn	Bệnh viện Bạch Mai - Viện Sức khỏe tâm thần	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học/
156	Nguyễn Viết Phúc	Sở Y tế Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
157	Nguyễn Viết Thân	GV nghỉ hưu Trường Đại học Dược Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu
158	Nguyễn Vĩnh Hưng	Bệnh viện E		Tiến sĩ	Y học/
159	Nguyễn Xuân Hiệp	Bệnh viện Mắt Trung ương	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học/
160	Nguyễn Xuân Trường	Viện Khoa học hình sự	Phó giáo sư	Tiến sỹ	Dược học/Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
161	Phạm Bá Hiền	Bệnh viện Đa khoa Đống Đa		Tiến sỹ	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới/
162	Phạm Hà Thanh Tùng	Trường Đại học Phenikaa		Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu
163	Phạm Minh Tuấn	Viện Huyết học - Truyền máu trung ương		Thạc sĩ	Dược học/
164	Phạm Ngọc Dương	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y học/
165	Phạm Nguyên Sơn	Bệnh viện Trung Ương QĐ 108	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học/
166	Phạm Thanh Huyền	Viện Dược liệu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Sinh học/Sinh Dược học
167	Phạm Thị Diệu Huyền	Bệnh viện Hữu Nghị		Thạc sĩ	Dược học/Dược lý, Dược lâm sàng

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
168	Phạm Thị Ngọc Thanh	Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
169	Phạm Thị Nguyệt Hằng	Viện Dược liệu	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược lý - Sinh hoá/Dược lý thần kinh, Tế bào học
170	Phạm Thị Phương Anh	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
171	Phạm Thu Hà	Khoa Dược - Bệnh viện Nhi Trung ương		Thạc sĩ	Dược học/Dược lý - Dược lâm sàng
172	Phạm Văn Đếm	Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Y Dược		Thạc sĩ	Nội khoa/
173	Phạm Văn Huy	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/Dược lý - Dược lâm sàng
174	Phạm Văn Tú	Công ty TNHH Dược phẩm Phạm Quỳnh		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
175	Phạm Việt Hà	Bệnh viện Đa khoa Xanh pôn		Bác sỹ chuyên khoa II	Y học/
176	Phạm Vĩnh Trường	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108		Thạc sĩ	Dược học/
177	Phan Quỳnh Lan	Bệnh viện Đa Khoa Quốc Tế Vinmec		Tiến sĩ	Dược học/Dược lý, Dược lâm sàng
178	Phan Việt Sinh	Bệnh viện Lão khoa		Thạc sĩ	Dược học/
179	Phí Thị Tuyết Nhung	Trường Đại học Thành Đô		Thạc sĩ	Dược học/Hóa sinh dược
180	Phùng Hoà Bình	Phòng chẩn trị y học cổ truyền PHÙNG GIA ĐƯỜNG	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu- dược cổ truyền
181	Phùng Quang Toàn	Bệnh viện K		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế
182	Phương Thiện Thương	Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc (VKIST)	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/Dược liệu; Hóa học các

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
					hợp chất tự nhiên
183	Tạ Mạnh Cường	Bệnh viện Bạch Mai, Viện Tim mạch	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học/
184	Tạ Mạnh Hùng	Bộ y tế		Tiến sĩ	Dược học/Kiểm nghiệm
185	Tạ Thị Hương Trang	Bệnh viện Bạch Mai		Bác sỹ nội trú	Y học/
186	Thân Thị Hải Hà	bệnh viện Phụ sản trung ương		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/Tổ chức quản lý dược
187	Tô Minh Hùng	Viện Kiểm nghiệm, nghiên cứu dược và trang thiết bị y tế Quân đội		Tiến sĩ	Dược học/Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
188	Trần Bá Kiên	Trường cao đẳng Dược trung Ương Hải Dương		Tiến sĩ	Dược học/Tổ chức quản lí dược
189	Trần Cao Sơn	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia		Tiến sỹ	Dược học/Kiểm nghiệm thuốc
190	Trần Công Khánh	GV nghỉ hưu Trường Đại học Dược Hà Nội	Phó giáo sư	Tiến sĩ khoa học	Dược học/Phân loại thực vật
191	Trần Đình Thắng	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Giáo sư	Tiến sĩ	Hóa học/
192	Trần Hải Yến	Bệnh viện Bạch Mai, Viện Tim mạch		Thạc sĩ	Tim mạch/
193	Trần Nhân Thắng	CB hưu Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Dược học/
194	Trần Phương Hải	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Nội khoa/
195	Trần Quang Bình	Viện Dinh dưỡng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y khoa/Khoa học Y học; Di truyền người ; Y tế công cộng
196	Trần Thế Bách	Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật	Giáo sư	Tiến sĩ	Sinh học/Thực vật học
197	Trần Thị Tô Châu	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Y học/

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo
198	Trần Thu Hương	Bệnh viện Bạch Mai		Thạc sĩ	Y khoa/
199	Trần Trung Tâm	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
200	Trần Việt Hùng	Viện Kiểm nghiệm thuốc TW	Phó giáo sư	Tiến sỹ	Dược học/
201	Trần Viết Tiệp	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí		Tiến sĩ	Y học/
202	Trịnh Đức Thiện	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
203	Trịnh Lê Anh	Trung tâm Kiểm nghiệm Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa II	Dược học/
204	Trịnh Văn Lẩu	Viện Kiểm nghiệm thuốc TW	Phó giáo sư	Tiến sỹ	Dược học/
205	Trịnh Văn Quỳ	CB hưu Viện Kiểm nghiệm thuốc TW	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học/
206	Trương Tuyết Mai	Viện Dinh dưỡng Quốc gia	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học/Dinh dưỡng và phát triển con người
207	Văn Đức Hạnh	Bệnh viện Bạch Mai, Viện Tim mạch		Bác sĩ nội trú	Tim mạch/
208	Vũ Bích Hạnh	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn		Thạc sĩ	Dược học/Quản lý kinh tế dược
209	Vũ Đình Tiến	Bệnh viện K		Thạc sĩ	Dược học/
210	Vũ Hồng Minh	Bệnh viện Mắt TW		Thạc sĩ	Dược học/
211	Vũ Mạnh Hùng	Bệnh viện Nhi Thanh Hóa		Dược sĩ chuyên khoa I	Dược học/
212	Vũ Thị Thu Hương	Bệnh viện E		Tiến sĩ	Dược học/Tổ chức Quản lý Dược
213	Vũ Thị Trâm	GV nghỉ hưu Trường Đại học Dược Hà Nội		Tiến sĩ	Y học/
214	Vũ Trường Khanh	Bệnh viện Bạch Mai		Tiến sĩ	Y học/
	Tổng số giảng viên thỉnh giảng toàn trường 214				

3. Tuyển sinh sau đại học năm 2023

3.1. Tuyển sinh trình độ tiến sĩ, thạc sĩ

TT	Ngành/chuyên ngành tuyển sinh	Tuyển sinh trình độ tiến sĩ			Tuyển sinh trình độ thạc sĩ		
		Chỉ tiêu	Thực hiện	Quy mô (tính đến 01/01/2024)	Chỉ tiêu	Thực hiện	Quy mô (tính đến 01/01/2024)
1	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	8	6	16	20	12	22
2	Hóa dược	6	6	11	15	9	9
3	Dược lý và dược lâm sàng	5	3	11	72	69	100
4	Dược liệu – Dược học cổ truyền	5	3	7	20	19	24
5	Hóa sinh dược	3	1	2	10	7	13
6	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	5	4	11	20	17	20
7	Tổ chức quản lý dược	6	4	9	35	30	40
	Tổng số	**38**	**27**	**67**	**192**	**163**	**228**

3.2. Tuyển sinh trình độ chuyên khoa cấp II, chuyên khoa cấp I

TT	Ngành/chuyên ngành tuyển sinh	Tuyển sinh trình độ CKII			Tuyển sinh trình độ CKI		
		Chỉ tiêu	Thực hiện	Quy mô (tính đến 01/01/2023)	Chỉ tiêu	Thực hiện	Quy mô (tính đến 01/01/2023)
1	Dược lý và dược lâm sàng	30	24	43	80	51	127
2	Tổ chức quản lý dược	10	8	49	120	67	200
	Tổng số	**40**	**28**	**92**	**200**	**118**	**327**

3.3. Dự kiến học viên sau đại học tốt nghiệp năm 2024

TT	Ngành/chuyên ngành	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa II	Chuyên khoa I	Ghi chú
1	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	2	1			
2	Hóa dược		0			
3	Dược lý và dược lâm sàng	1	27	12	71	

4	Dược liệu – Dược học cổ truyền	1	5			
5	Hóa sinh dược		6			
6	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất		10			
7	Tổ chức quản lý dược		17	19	106	
	Tổng số	**4**	**66**	**31**	**177**	

III. Thông tin tuyển sinh sau đại học năm 2024

1. Kế hoạch tuyển sinh:

Căn cứ các văn bản hướng dẫn và kế hoạch hoạt động năm 2024, Phòng Quản lý Đào tạo – Sau đại học xây dựng kế hoạch tuyển sinh, biểu mẫu thực hiện đề án tuyển sinh sau đại học năm 2024

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Trường Đại học Dược Hà Nội số /NQ-H ĐT ngày /2024 về việc tuyển sinh sau đại học năm 2024.

Trình Ban giám hiệu phê duyệt Kế hoạch tổ chức tuyển sinh và Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2024

2. Căn cứ pháp lý xác định chỉ tiêu và năng lực đào tạo sau đại học năm 2024

- Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGD&ĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác địnhchir tiêu tuyển sinh trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

- Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12/02/2020 về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh chuyên khoa và bác sĩ nội trú năm 2020 của Bộ Y tế;

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Trường Đại học Dược Hà Nội số /NQ-H ĐT ngày /2023 về việc tuyển sinh sau đại học năm 2024;

- Căn cứ cơ sở vật chất, cơ sở thực hành, nguồn nhân lực gồm giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, xác định ngành phù hợp trong tuyển sinh sau đại học năm 2024;

Phòng Quản lý Đào tạo – Sau đại học khảo sát nhu cầu đào tạo sau đại học của các Khoa/Đơn vị, quy mô đào tạo xác định tại thời điểm xác định năng lực đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện báo cáo cuộc họp của Hội đồng trường về tuyển sinh sau đại học năm 2024.

Phòng Quản lý Đào tạo – Sau đại học trình Ban giám hiệu phê duyệt chỉ tiêu đào tạo sau đại học và thông báo tuyển sinh các trình độ sau đại học năm 2024.

3. Năng lực và chỉ tiêu tuyển sinh trình độ sau đại học năm 2024

TT	Ngành/chuyên ngành	Tiến sĩ		Thạc sĩ		CKII		CKI	
		Năng lực	Chỉ tiêu	Năng lực	Chỉ tiêu	Năng lực	Chỉ tiêu	Năng lực	Chỉ tiêu
1	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	77	8	95	20				

2	Hóa dược	57	6	65	20				
3	Dược lý và dược lâm sàng	62	5	80	70	30	15	174	80
4	Dược liệu – Dược học cổ truyền	59	5	75	30				
5	Hóa sinh dược	38	3	50	10				
6	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	46	5	60	20				
7	Tổ chức quản lý dược	28	6	40	40	30	25	153	120
	Tổng số	**352**	**38**	**440**	**210**		**40**		**200**

4. Các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu

4.1. Các ngành tuyển sinh:

- Trình độ tiến sĩ, thạc sĩ: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc, Hóa dược, Dược lý và dược lâm sàng, Dược liệu – Dược học cổ truyền, Hóa sinh dược,Kiểm nghiệm thuốc và độc chất và Tổ chức quản lý dược
- Trình độ chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II: Dược lý và dược lâm sàng và Tổ chức quản lý dược

4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến):

- Tiến sĩ dược học: 38
- Thạc sĩ dược học: 210
- Chuyên khoa cấp I: 200
- Chuyên khoa cấp II: 40

(Chỉ tiêu chi tiết các ngành sẽ được thông báo chi tiết trong Thông báo tuyển sinh sau đại học năm 2024)

5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

5.1. Tiến sĩ dược học

Người dự tuyển phải phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Điều kiện về văn bằng:

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên ngành phù hợp ***(Phụ lục 1)***, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

- Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do một cơ sở nước ngoài, phân hiệu cơ sở nước ngoài tại Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định và còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ Bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và có trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 4, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đòa tạo trình độ tiến sĩ.

- Có dự thảo đề cương và dự kiến kế hoạch nghiên cứu toàn khóa.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Trường trong quá trình đào tạo theo quy định

- Có đủ sức khỏe để học tập.

5.2. Thạc sĩ dược học

- Điều kiện về văn bằng: Thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp ***(Phụ lục 1)***; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên của chính Trường Đại học Dược Hà Nội cấp trong thời gian không qua 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các

chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển ***(Phụ lục 2)***.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường (nếu có)

- Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu ngành học;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

5.3. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

- Có bằng tốt nghiệp đại học dược, có thời gian công tác liên tục trong lĩnh vực y tế ít nhất 12 tháng *(tính từ ngày có Quyết định tốt nghiệp đến ngày dự thi).*

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

5.4. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

- Có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc bằng Thạc sĩ dược học đúng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký dự thi.

Đối với người có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

Đối với người có bằng Thạc sĩ dược học: Có ít nhất 36 tháng công tác trong ngành đăng ký dự thi kể từ khi tốt nghiệp.

- Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:

a) Thí sinh được miễn thi môn thi ngoại ngữ nếu có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do một cơ sở nước ngoài, phân hiệu cơ sở nước ngoài tại Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

b) Thí sinh dự thi được miễn ngoại ngữ khi có một trong những điều kiện sau:

- Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 1 (có minh chứng).

- Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 2 nông thôn đối với người không phải dân tộc Kinh (có minh chứng).

Khu vực ưu tiên căn cứ theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023.

Các đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ trên sẽ học và thi đạt trình độ ngoại ngữ trong quá trình đào tạo mới được xét thi tốt nghiệp chuyên khoa cấp II.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.

6. Hình thức và thời gian đào tạo

6.1. Tiến sĩ dược học

Tập trung, 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 04 năm đối với người tốt nghiệp đại học.

6.2. Thạc sĩ dược học

Tập trung theo tín chỉ: Thời gian từ 1 - 2 năm.

6.3. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Tập trung theo chứng chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài từ 3 đến 4 năm.

6.4. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

Tập trung theo chứng chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài không quá 4 năm.

7. Các hình thức tuyển sinh

7.1. Tiến sĩ dược học

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển *(thẩm định hồ sơ và đánh giá năng lực của người dự tuyển. Người dự tuyển chuẩn bị nội dung báo cáo theo hướng dẫn).*

7.2. Thạc sĩ

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển *(đánh giá hồ sơ theo tiêu chí quy định)*

7.3. Chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II

Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

- Thi tự luận với thời gian 180 phút/1 môn.
- Nội dung các môn thi theo chương trình đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.
- Môn chuyên ngành chuyên khoa cấp II: Theo chương trình đào tạo DSCKI của Trường Đại học Dược Hà Nội.

(Nội dung hướng dẫn ôn tập của các môn thi được công bố trên website của Trường. Nhà trường không tổ chức ôn tập).

Các môn thi:

- Môn cơ sở và tiếng Anh

Trình độ/ngành	Chuyên khoa cấp I	Chuyên khoa cấp II
Dược lý và dược lâm sàng	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc	Tiếng Anh theo trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực NN 6 bậc của VN
Tổ chức quản lý dược	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc	Tiếng Anh theo trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực NN 6 bậc của VN

- Môn chuyên ngành

Trình độ/ngành	Chuyên khoa cấp I	Chuyên khoa cấp II
Dược lý và dược lâm sàng	Hóa dược	Chuyên ngành DL&DLS
Tổ chức quản lý dược	Hóa dược	Chuyên ngành TCQLD

8. Đối tượng và chính sách ưu tiên

8.1. Đối tượng ưu tiên: Đối với thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ và chuyên khoa cấp I.

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số hiện có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

8.2. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh dự thi thuộc diện ưu tiên được cộng 01 điểm vào kết quả thi cho môn thi chuyên ngành đối với trình độ chuyên khoa cấp I (thang điểm 10); 10 điểm vào kết quả xét tuyển đối với trình độ thạc sĩ.

Ghi chú:

- Thí sinh thuộc các đối tượng ưu tiên trên đề nghị nộp giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi đi nộp hồ sơ đăng ký dự thi (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã hết hạn nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023.

9. Phương thức xét trúng tuyển

9.1. Tiến sĩ dược học:

- Thẩm định hồ sơ và đánh giá năng lực của người dự tuyển. Người dự tuyển chuẩn bị nội dung báo cáo theo hướng dẫn

- Điều kiện xét trúng tuyển: điểm từng phần ≥ 50 điểm.

- Căn cứ vào điều kiện trên và chỉ tiêu ngành tuyển sinh: Xét điểm từ cao xuống thấp

9.2. Thạc sĩ dược học:

- Đánh giá hồ sơ theo tiêu chí các tiêu chí xét tuyển quy định tại Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.

- Điều kiện xét trúng tuyển: điểm hồ sơ ≥ 50 điểm và tổng điểm đạt được

- Căn cứ vào điều kiện trên và chỉ tiêu ngành tuyển sinh: Xét điểm từ cao xuống thấp

9.3. Chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II:

- Điều kiện xét trúng tuyển: điểm các môn thi cơ sở và chuyên ngành ≥ 5 điểm (thang điểm 10); điểm môn Tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3/6 ≥ 50 điểm (thang điểm 100) hoặc có Chứng chỉ Tiếng Anh theo quy định.

- Căn cứ vào điều kiện trên và chỉ tiêu ngành tuyển sinh: Xét điểm từ cao xuống thấp

10. Đăng ký dự tuyển và thời gian tuyển sinh

10.1 Đăng ký dự tuyển:

Thí sinh nộp hồ sơ tại phòng Quản lý Đào tạo – Bộ phận Sau đại học.

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký dự tuyển. Nhà trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các yêu cầu trúng tuyển và điều kiện hồ sơ dự tuyển.

10.2. Thời gian tuyển sinh: Dự kiến 1 đến 2 đợt tùy theo nhu cầu thực tế.

Nội dung	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa cấp I	Chuyên khoa cấp II
Thông báo tuyển sinh	Tháng 3	Tháng 3	Tháng 3	Tháng 3
Xét tuyển/Thi tuyển	Tháng 8	Tháng 8	Tháng 8	Tháng 8
Các đợt tuyển sinh sau tùy theo nhu cầu thực tế				

10.3. Địa điểm tuyển sinh: Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các tỉnh phía Nam: Thi tại Trường Cao đẳng Hậu cần 2, số 50 Lê Văn Việt, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (nếu điểm thi có ≥ 20 thí sinh).

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển xem trên trang web tuyển sinh của Trường: http://www.hup.edu.vn/cpbdv/psdh/Pages/TuyensinhSDH.aspx

Hoặc liên hệ trực tiếp:

Phòng Quản lý Đào tạo – Bộ phận Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội.

Điện thoại: 024 38267480

11. Lệ phí và kinh phí tuyển sinh

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000 đồng
- Lệ phí xét tuyển (trường hợp xét tuyển): 200.000 đồng
- Lệ phí thi tuyển (trường hợp thi tuyển): 120.000 đồng/1 môn thi

12. Dự kiến học phí, kinh phí đào tạo năm học 2024-2025.

Học phí, kinh phí đào tạo được triển khai theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và theo Quyết định của Hội đồng Trường Đại học Dược Hà Nội phê duyệt mức thu học phí, kinh phí đào tạo và lộ trình tăng học phí, kinh phí đào tạo hàng năm